

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 921/2022/HC-PT

Ngày: 25 - 11 - 2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính về
bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng,
tái định cư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1200/2021/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942; Địa chỉ: 79/5A khu phố 2, phường Pm, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Trần Thị Kim C; Địa chỉ: 76/5 Tổ 20, khu phố 2, phường Pm, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

2.1.1/ Ông Phạm Hòa Tuấn - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2.1.2/ Ông Hồ Thái Thành - Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng địa chỉ: 07 Tân Phú, phường Tân Phú, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A và Ủy ban nhân dân Quận A: Ông Lê Văn Thành – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

2.3.1/ Ông Hồ Thái Thành - Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.3.2/ Ông Trương Công Chính – Chuyên viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.3.3/ Ông Phạm Hòa Tuấn – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2.3.4/ Ông Trần Thanh Tịnh – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tường trình, biên bản đối thoại, tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T do bà Trần Thị Kim C làm đại diện trình bày:

Gia đình ông T có toàn bộ nhà và đất nằm trong dự án phía nam Phạm Hữu Lầu. Nguồn gốc đất do cha mẹ ông T được sử dụng trước năm 1975, sau đó, đất được đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp (trong đó có 01 phần đất được sử dụng để đắp bờ đê). Sau khi Hợp tác xã tan rã, các chủ cũ nhận lại ruộng, riêng phần đất được đắp bờ đê thành đường đi công cộng. Năm 1982, gia đình ông T xây dựng trên phần đất bờ đê thủy lợi này nhà lá và chăn nuôi, có thực hiện việc đóng thuế đầy đủ. Tổ dân phố cũng có ý kiến thống nhất nguồn gốc đất sử dụng trước năm 1975, nhà tự xây cất năm 1983, sử dụng ổn định cho đến ngày bị giải tỏa.

Vào năm 2004, gia đình ông T được thông báo về việc giải tỏa, vì là giải tỏa chung nên không có quyết định đền bù cho từng hộ dân. Tuy nhiên, sau đó, gia đình ông T nhận được Quyết định 88/QĐ-UBND ngày 29/6/2005 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) Quận A. Gia đình ông T rất bức xúc và khiếu nại Quyết định trên do đền bù diện tích đất chưa đúng, chưa đủ và phương án áp giá đền bù, chính sách tái định cư không thỏa đáng.

Ngày 11/01/2006, UBND Quận A tiếp tục ban hành Quyết định 01/QĐ-UBND. Gia đình ông T tiếp tục gửi đơn đến Thanh tra và UBND Thành phố

Qua thời gian dài liên tục khiếu nại, ngày 12/10/2017 gia đình ông T nhận được Quyết định 5430/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố. Tuy nhiên, Quyết định 5430/QĐ-UBND chỉ giải quyết một phần trong các vấn đề ông T đưa ra và chưa thỏa đáng các nội dung, có 01 phần gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Ngày 01/6/2018 UBND Quận A đã ban hành Quyết định 1762/QĐ-UBND vẫn chưa giải quyết thỏa đáng. Do đó, ông T yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006, một phần Quyết định 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 và Quyết định 1762/QĐ-UBND ngày 01/6/2018.

Ngoài ra, ông T đề nghị xem xét các nội dung sau:

- Yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T 200m² đất thuộc thửa 283 tờ bản đồ số 09 huyện Nhà Bè (phường Pm, Quận A) và tái định cư 02 nền

- Yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T 444,6m² tờ bản đồ số 09 (tài liệu 02/CT-UB) vị trí không nằm trong thửa 283. Vấn đề này ông T khiếu nại thì được UBND Quận A trả lời bằng Công văn 773/UBND-BTGPMB ngày 03/8/2018.

- Yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T 209m² đất thuộc thửa 284-1, 283m² thuộc thửa 285-1 tờ bản đồ số 09 huyện Nhà Bè. Yêu cầu này khi khiếu nại thì UBND Quận A trả lời bằng Công văn trả lời 729/UBND-BTGPMB ngày 23/7/2018.

- Yêu cầu giải quyết phần đất nông nghiệp hoán đổi sang đất ở là 1000m² đất nông nghiệp sang 100m² đất ở và giải quyết tái định cư 02 nền đất trong dự án sau khi hoán đổi.

- Yêu cầu giải quyết đơn giá đền bù và tiền hỗ trợ di dời theo đúng quy định pháp luật.

Căn cứ theo Biên bản hiệp thương số 45/BBHT-BTGPMB ngày 13/4/2004 và số 175/BBHT-BTGPMB ngày 17/7/2009, Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 17/7/2009, Phương án bồi thường ngày 19/12/2003 có ghi rõ 01 hộ gia đình không vượt quá hạn mức 200m² đất ở. Do đó đất ở thửa 283 không còn phần đất công nào hết, nên ông T phải được tái định cư 02 lô nền trong dự án phường Pm.

Tại Quyết định 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 cũng có nêu rõ cần giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c phần V của phương án để giải quyết bồi thường bổ sung cho gia đình ông T theo đúng nguồn gốc và thực tế sử dụng đất. Vì theo qui định nếu là đất chiếm dụng thì chỉ hỗ trợ 100m² đất ở, đất không thuộc diện chiếm dụng thì phải được

hưởng quyền lợi 200m² đất ở trong hạn mức và tái định cư 02 nền theo hạn mức theo đúng qui định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 28/5/2005 về việc giải quyết tranh chấp đất đai do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập ghi rõ hợp đồng mua bán 500m² đất ngày 07/8/1998 bằng giấy tay giữa bà Nguyễn Thị Út, ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị Bích Trâm với giá 12.000.000 đồng là không hợp pháp. Ông T đã trả lại số tiền trên cho bà Trâm, đất hiện nhiên phải được trả lại cho gia đình ông T, mà đất do gia đình ông T sử dụng từ năm 1982. Đồng thời, theo phần xác minh trong bản hợp đồng mua bán 500m² đất ghi rõ đất nêu trên được lấy lên làm rạch sau đó gia đình ông T bồi đắp, không phải là đất rạch tự nhiên. Việc ông T xác nhận 500m² đất là do Nhà nước quản lý là hoàn toàn đúng theo quy định và chính sách Nhà nước đề ra, không đồng nghĩa đó là đất công. Theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 ghi rõ toàn bộ tổng diện tích đất là đất công và được áp dụng chính sách hỗ trợ đối với những hộ sử dụng đất có nguồn gốc là đất công chiếm dụng từ trước 15/10/1993. Vì vậy, ông T phải được đền bù 444,6m² đất thuộc tờ bản đồ số 09 (tài liệu 02/CT-UB) vị trí không nằm trong thửa 283 này.

Về việc áp dụng đơn giá quá cũ từ năm 2003 cho đơn giá đền bù mới ký 2018 là hoàn toàn không hợp lý và bất công. Theo Biên bản hiệp thương 166/BBHT-BTGPMB ngày 22/5/2018 hoàn toàn không có tiền hỗ trợ di dời, tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng sớm. UBND Quận A cho rằng do tài sản của ông T là đất công nên không được hưởng chính sách hỗ trợ trong khi thời điểm kiến nghị quyết định 5430 đã có hiệu lực thi hành, trong quyết định cũng ghi rõ tài sản của ông T chỉ có 01 phần là đất bờ đê không phải toàn bộ tài sản là đất công. Không áp tiền hỗ trợ di dời là hoàn toàn không hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim C là đại diện người khởi kiện ông Nguyễn Văn T bổ sung yêu cầu hủy Công văn 773/UBND-BBTGPMB ngày 03/8/2018 của UBND Quận A về việc chưa giải quyết bồi thường đối với 500m² (444,6m²) tờ bản đồ số 09 (tài liệu 02/CT-UB) vị trí không nằm trong thửa 283 và Công văn 729/UBND-BBTGPMB ngày 23/7/2018 của UBND Quận A về việc trả lại 209m² đất thuộc thửa 284-1, 283m² thuộc thửa 285-1 tờ bản đồ số 09 huyện Nhà Bè (phường Pm, Quận A).

Người đại diện của người bị kiện UBND Quận A và Chủ tịch UBND Quận A trình bày ý kiến tại văn bản ngày 20/12/2019 và ngày 28/12/2020:

Hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng khu đất có diện tích 657,66m² (bao gồm phần đất diện tích 380,66m² có hiện trạng là đất bờ đê và phần đất diện tích 277m² do bà Nguyễn Thị Bích Trâm trả lại đất theo Biên bản làm việc ngày 28/6/2005) thuộc thửa 283 tờ bản đồ số 9, Bộ địa chính thị trấn Nhà Bè (theo tài liệu 02/CT-UB) bị thu hồi trong Khu tái định cư tại phường Pm, Quận A. Căn cứ theo Bản xác minh nguồn gốc nhà đất ngày 03/8/2005 của UBND phường Pm thì nguồn gốc đất là của cha mẹ ông T, sau năm 1975 đưa vào Hợp tác xã

nông nghiệp, sau khi Hợp tác xã tan rã, ruộng được trả về chủ cũ, riêng phần đất được đắp bờ đê thành đường đi công cộng thì không trả lại, năm 1982 gia đình ông T xây dựng nhà ở trên phần đất này, do đó khu đất được xác định là đất công do nhà nước quản lý.

Đối chiếu với quy định tại điểm b.3.2 phần IV Phương án bồi thường số 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003 đã được Chủ tịch UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003, phần đất bờ đê diện tích 657,66m² của hộ ông Nguyễn Văn T được tính hỗ trợ 100m² đất ở với số tiền 51.000.000 đồng, 557,66m² hỗ trợ theo đơn giá đất nông nghiệp số tiền 111.532.000 đồng và tiền bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc, hoa màu, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ông Nguyễn Văn T được nhận là 169.475.320 đồng.

Đối chiếu với quy định tại điểm a, mục 2, phần IX Phương án bồi thường số 09/PABT-GPMB trường hợp của ông T có hiện trạng sử dụng là đất ở chiếm dụng, không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

Ông T đã ký biên bản bàn giao mặt bằng ngày 09/8/2005 và đã nhận tạm ứng số tiền 140.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T đã không bàn giao mặt bằng theo như cam kết, do đó UBND Quận A ban hành Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 07/9/2005 về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất bắt buộc đối với hộ ông Nguyễn Văn T. Để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự án nên UBND Quận A đã bố trí cho hộ ông T tạm cư tại căn hộ C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận.

Xét hộ ông T bị thu hồi toàn bộ nhà ở, là hộ nghèo cư trú tại căn nhà bị giải tỏa từ trước năm 1975 không còn nơi ở nào khác, UBND Quận A đã có các Công văn trình xin ý kiến UBND Thành phố. Ngày 25/12/2012, UBND Thành phố có Công văn số 6719/UBND-ĐTMT về duyệt giá bán căn hộ số C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận, Quận A cho hộ ông T trong dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phường Pm, Quận A. Ngày 16/4/2013, UBND Quận A ban hành Thông báo 403/TB-UBND về thu tiền căn hộ chung cư và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tại chung cư Phú Thuận đối với ông T với số tiền ông T phải nộp để mua căn hộ là 267.841.200 đồng.

Ngày 22/11/2005, ông T đã có đơn khiếu nại chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án, ngày 11/01/2006 Chủ tịch UBND Quận A đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông T. Ông T tiếp tục khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A.

Thực hiện Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố về giải quyết khiếu nại của ông T, căn cứ Phương án bồi thường 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003, hồ sơ bồi thường đã lập trước đây, UBND Quận A đã ban hành Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 về việc hỗ trợ bổ sung đối với ông T số tiền là 146.821.280 đồng. Đồng thời, UBND Quận A đã giải quyết cho hộ ông T được bố trí tái định cư tại căn hộ

C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận, Quận A với số tiền phải nộp mua căn hộ là 178.447.500 đồng (giá bán căn hộ đầu hồi tầng 5 đã có thuế VAT 10% và chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng 5%). Tuy nhiên, tại các buổi làm việc ngày 24/4/2018 và ngày 06/6/2018, ông Nguyễn Văn T yêu cầu phải bố trí tái định cư bằng nền đất, không đồng ý nhận căn hộ chung cư Phú Thuận và không đồng ý ký hồ sơ bồi thường, hỗ trợ bổ sung.

- Phần đất diện tích 444,6m² thuộc tờ bản đồ 09 (tài liệu 02/CT-UB) vị trí không nằm trong thửa 283 mà ông T yêu cầu đền bù thuộc phần đất chuyển nhượng 500m² giữa bà Nguyễn Thị Út (em gái ông T) và bà Nguyễn Thị Bích Trâm ngày 07/8/1998 bằng giấy tay có vị trí thuộc rạch (nằm sát thửa 283) do nhà nước quản lý.

Theo Biên bản làm việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị Út, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích Trâm do Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận A lập ngày 28/5/2005, ghi nhận: *Hai bên thống nhất ý kiến là Hợp đồng mua bán 500m² đất giữa bà Nguyễn Thị Út và bà Nguyễn Thị Bích Trâm ngày 07/8/1998 không được nhà nước đền bù.*

Như vậy, khu đất chuyển nhượng 500m² (thực tế diện tích là 444,6m²) giữa bà Nguyễn Thị Út và bà Nguyễn Thị Bích Trâm ngày 07/8/1998 bằng giấy tay có vị trí thuộc rạch (nằm sát thửa 283) do nhà nước quản lý do đó khi thu hồi không được xem xét bồi thường, hỗ trợ. Tại thời điểm thực hiện dự án năm 2005, UBND Quận A không đền bù phần diện tích này, hộ ông T cũng không có thắc mắc khiếu nại yêu cầu đền bù phần diện tích này.

Tuy nhiên, sau đó ông T tiếp tục có đơn phản ánh việc chưa được nhận đền bù 500m² đất do bà Trâm trả lại tại phường Pm, Quận A. Qua rà soát hồ sơ bồi thường của hộ ông T, UBND Quận A đã có Văn bản số 773/UBND-BTGPMB ngày 03/8/2018 trả lời việc ông T yêu cầu đền bù diện tích đất khoảng gần 500m² do bà Nguyễn Thị Bích Trâm trả lại đất là không có cơ sở xem xét giải quyết, phần đất này là đất rạch do nhà nước quản lý không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố về giải quyết khiếu nại của ông T, đã ghi nhận: *Tại buổi đối thoại, sau khi nghe UBND Quận A giải thích, gia đình ông T đồng ý phần đất 500m² là đất do Nhà nước quản lý và không khiếu nại.*

- Qua kiểm tra hồ sơ bồi thường của dự án Khu tái định cư phường Pm, toàn bộ thửa 284 diện tích 373m² và thửa 285 diện tích 2035m² thuộc Tờ bản đồ số 9 Thị trấn Nhà Bè (tài liệu 02/CT-UB) đã được UBND Quận A cấp GCN.QSĐ số 00139QSĐĐ/139QĐ-H2001 ngày 07/3/2001 cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm và đã được UBND Quận A giải quyết bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo đúng quy định. Ngày 25/01/2005, bà Nguyễn Thị Bích Trâm đã ký hồ sơ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự án.

Như vậy toàn bộ thửa 284 diện tích 373m² và thửa 285 diện tích 2035m² thuộc Tờ bản đồ số 9 Thị trấn Nhà Bè đã được UBND Quận A thực hiện bồi thường theo đúng quy định và đúng chủ sử dụng đất có giấy tờ pháp lý hợp pháp. Do đó, ông T yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông nhưng không cung cấp các giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất là không có cơ sở pháp lý giải quyết. Đối với kiến nghị này của ông T, UBND Quận A đã có công văn 729/UBND-BTGPMB ngày 23/7/2018 trả lời cho ông T.

- Hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng khu đất có diện tích 657,66m² (bao gồm phần đất diện tích 380,66m² có hiện trạng là đất bờ đê và phần đất diện tích 277m² do bà Nguyễn Thị Bích Trâm trả lại đất) không đủ điều kiện bồi thường và không có diện tích tối thiểu hợp pháp thu hồi để áp dụng chính sách hoán đổi sang đất ở là 1000m² đất nông nghiệp sang 100m² đất ở theo quy định của Phương án đền bù đã được phê duyệt.

- Ông T yêu cầu giải quyết đơn giá đền bù và tiền hỗ trợ di dời theo đúng quy định pháp luật: UBND Quận A đã lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ nhà đất của ông Nguyễn Văn T trong dự án Khu tái định cư phường Pm, Quận A theo đúng phương án bồi thường được phê duyệt và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch UBND Thành phố.

Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến tại Văn bản số 2311/UBND-NCPC ngày 17/6/2020:

Theo tài liệu 299/TTg năm 1982, phần đất có diện tích 657,66m² thuộc một phần thửa 238, tờ bản đồ số 3, xã Pm. Theo sổ mục kê ruộng đất lập tại xã Pm ngày 15/9/1984, quyển số 1, thửa đất 238 do bà Trần Thị Xuân (mẹ ông T) và bà Nguyễn Thị Nho (chị ông T) đứng bộ kê khai, đăng ký với diện tích 2.631m², mục đích sử dụng: đất mùa. Thửa đất này đã được đưa vào Tập đoàn sản xuất trở thành đất kênh thủy lợi và bờ đê.

Theo tài liệu 02/CT-UB năm 1992 khu đất thuộc thửa 283 tờ bản đồ số 9, Bộ địa chính thị trấn Nhà Bè. Theo sổ mục kê do bà Nguyễn Thị Bạch (chị ông T) đứng bộ kê khai đăng ký với diện tích 277m², loại đất “thủy lợi”.

Theo tài liệu năm 2003: khu đất thuộc một phần thửa 38 tờ bản đồ số 31, loại đất “thổ vườn” do ông Nguyễn Văn T kê khai.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phường Pm, Quận A, theo Quyết định số 3290/QĐ-UB ngày 13/8/2003 và Quyết định số 4947/QĐ-UB ngày 14/11/2003 của UBND thành phố về việc thu hồi đất thuộc quy hoạch xây dựng khu tái định cư tại phường Pm, Quận A, hộ ông T bị thu hồi phần đất diện tích 380,66m² (hiện trạng là đất bờ đê) theo bản đồ thu hồi đất do Đoàn đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố lập ngày 01/10/2003 để thực hiện dự án.

Căn cứ Phương án bồi thường số 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003 đã được Chủ tịch UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-

BTGPMB ngày 11/12/2003: UBND Quận A đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 29/6/2005 giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T, tổng cộng 126.075.320 đồng. Hộ ông T không đủ điều kiện tái định cư.

Tại Biên bản bổ sung hiệp thương bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND Quận A lập ngày 15/11/2005, ông T được hỗ trợ bổ sung thêm số tiền là 43.400.000 đồng ($277\text{m}^2 \times 250.000 \text{ đồng/m}^2 \times 80\% = 55.400.000 \text{ đồng}$) do bà Nguyễn Thị Bích Trâm trả lại cho hộ ông T theo Biên bản làm việc ngày 28/5/2015 và ông T hoàn trả cho bà Trâm số tiền 12.000.000 đồng. Phần diện tích này đã được UBND Quận A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trâm, thuộc thửa 283, tờ bản đồ số 9, theo tài liệu 02/CT-UB năm 1992, loại đất thủy lợi).

Không đồng ý với Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 29/6/2005, ngày 22/11/2005 ông T khiếu nại về hạn mức bồi thường, chính sách tái định cư.

Ngày 11/11/2006, UBND Quận A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của ông T.

Ngày 14/9/2012 UBND Quận A có Công văn số 2365/UBND-BTGPMB trình UBND thành phố thuận bán cho ông T căn hộ chung cư (căn hộ C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận, Quận A) theo giá bảo tồn vốn và đã được UBND thành phố chấp thuận tại Công văn số 6719/UBND-BTGPMB ngày 25/12/2012.

Ông T tiếp tục gửi đơn đến UBND thành phố khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND với các nội dung:

- UBND Quận A đã bồi thường thiếu diện tích đất 500m^2 cho gia đình ông
- Đề nghị bồi thường 100% đơn giá đất ở đối với 100m^2 và 100% đơn giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất còn lại ($557,6\text{m}^2 + 500\text{m}^2$) = $1.057,66\text{m}^2$

Ngày 02/8/2016, Thanh tra Thành phố có tổ chức buổi đối thoại. Tại buổi đối thoại, sau khi UBND Quận A giải thích, gia đình ông T đồng ý phần đất 500m^2 là đất do Nhà nước quản lý và không khiếu nại, chỉ tiếp tục khiếu nại: Đề nghị bồi thường 100% đơn giá đất ở đối với 100m^2 và 100% đơn giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất còn lại.

Theo những tài liệu liên quan thu thập, kết quả thẩm tra, xác minh và ý kiến của Văn phòng Đăng ký Đất đai Thành phố tại Văn bản số 19454/VPĐK-KTĐC ngày 14/12/2016, ý kiến của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố tại Văn bản số 94/HĐTĐBT ngày 22/02/2017. Ngày 12/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5430/QĐ-UBND với nội dung:

“- Không công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A về việc bác đơn khiếu nại của ông T liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tại Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phường Pm, Quận A.

- Giao Chủ tịch UBND Quận A giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c Phần V của Phương án số 09/PABT-GPMB ngày 18-11-2003 được UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003”, vì:

Nguồn gốc nhà đất là của cha mẹ ông T canh tác từ trước năm 1975, sau đó đã chấp hành chủ trương của Nhà nước đưa đất vào Tập đoàn nên trở thành bờ đê ở từ năm 1982 và không bị chính quyền địa phương ngăn chặn như xử phạt vi phạm hành chính, có đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ (tài liệu 299/TTg, tài liệu 02/CT-UB và tài liệu 2003) có thực hiện nghĩa vụ thuế đến khi giải tỏa (năm 2005).

Do đó, gia đình ông T đủ điều kiện để được xem xét hỗ trợ bằng mức bồi thường đối với phần diện tích nhà ở của ông T theo đơn giá đất ở và xem xét tái định cư theo Phương án được phê duyệt, cần giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c Phần V của phương án để giải quyết bồi thường bổ sung cho gia đình ông T theo đúng nguồn gốc và thực tế sử dụng đất.

Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 2 phần IX của Phương án quy định về đối tượng, điều kiện tái định cư. Xét ý kiến của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố, trường hợp của ông T là đủ điều kiện tái định cư một căn hộ theo quy định của Phương án.

Thực hiện Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố, ngày 01/6/2018 UBND Quận A đã ban hành Quyết định số 1762/QĐ-UBND về việc hỗ trợ bổ sung đối với ông Nguyễn Văn T:

“Giải quyết bổ sung nhà đất của ông Nguyễn Văn T nằm trong Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Pm, Quận A với tổng số tiền là 146.821.280 đồng.

Về chính sách tái định cư: Hộ ông Nguyễn Văn T được bố trí tái định cư tại căn hộ C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận, Quận A (66m²).

Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn Văn T là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1200/2021/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật đất đai 1993;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại tố cáo năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A, một phần Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 01/6/2018, Công văn 773/UBND-BBTGPMB ngày 03/8/2018 và Công văn 729/UBND-BBTGPMB ngày 23/7/2018 của UBND Quận A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 17/12/2021, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của ông Nguyễn Văn T, thấy rằng:

[1.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A và một phần Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy như sau:

Theo lời trình bày của người khởi kiện, người bị kiện, Bản xác minh nguồn gốc nhà đất xây dựng nhà ở giải tỏa ngày 03/8/2005 của UBND phường Pm, thì nguồn gốc nhà đất là của cha mẹ ông T canh tác từ trước năm 1975, sau đó đã chấp hành chủ trương của Nhà nước đưa đất vào Tập đoàn nên trở thành bờ đê ở từ năm 1982 và không bị chính quyền địa phương ngăn chặn như xử phạt vi phạm hành chính, có đăng ký sử dụng đất qua các thời kỳ (tài liệu 299/TTg, tài liệu 02/CT-UB và tài liệu 2003) có thực hiện nghĩa vụ thuế đến khi giải tỏa (2005). Việc UBND Quận A căn cứ điểm b.3.2 phần IV và điểm d, khoản 1, phần V Phương án bồi thường số 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003 giải quyết hỗ trợ 30% đơn giá đất ở đối với 100m² vì cho là có nguồn gốc chiếm dụng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 80% đơn giá đất nông nghiệp (có nguồn gốc chiếm dụng trước ngày 15/10/1993) đối với phần đất nông nghiệp còn lại diện tích 557,66m² là chưa hợp tình hợp lý.

Xét thấy: gia đình ông T đủ điều kiện để được xem xét hỗ trợ bằng mức bồi thường đối với phần diện tích nhà ở của ông T theo đơn giá đất ở và xem xét tái định cư theo Phương án được phê duyệt, nên cần giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c Phần V của phương án để giải quyết bồi thường bổ sung cho gia đình ông T theo đúng nguồn gốc và thực tế sử dụng đất.

Căn cứ điểm a khoản 2 phần IX của Phương án quy định về đối tượng, điều kiện tái định cư. Đồng thời, xét ý kiến của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố, trường hợp của ông T là đủ điều kiện tái định cư một căn hộ theo quy định của Phương án.

Tại buổi đối thoại ngày 02/8/2016 do Thanh tra Thành phố tổ chức, sau khi UBND Quận A giải thích, gia đình ông T đồng ý phần đất 500m² là đất do Nhà nước quản lý; đồng thời, gia đình xác nhận tại Quận A gia đình chưa khiếu nại về nội dung này. Do đó, không đưa vào nội dung đối thoại ngày 02/8/2016 để giải quyết khiếu nại, chỉ tiếp tục khiếu nại vấn đề sau: Đề nghị bồi thường 100% đơn giá đất ở đối với 100m² và 100% đơn giá đất nông nghiệp đối với diện tích đất còn lại.

Từ những phân tích trên Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) : Không công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A về việc bác đơn khiếu nại của ông T liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tại Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phường Pm, Quận A tại Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 22/01/2005 của UBND Quận A. Giao Chủ tịch UBND Quận A giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c Phần V của Phương án số 09/PABT-GPMB ngày 18-11-2003 được UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003 là phù hợp với các quy định pháp luật.

[1.2] Xét khởi kiện của ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 01/6/2018:

- Căn cứ quy định tại điểm b.3.2 phần IV Phương án bồi thường số 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003 đã được Chủ tịch UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003, UBND Quận A đã ban hành Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 29/6/2005 giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn T - địa chỉ thường trú 79/5A khu phố 2, phường Pm, Quận A để bàn giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư phía Nam Phạm Hữu Lầu, phường Pm, Quận A, tổng cộng 126.075.320 đồng. Hộ ông T không đủ điều kiện tái định cư.

Tại Biên bản bổ sung hiệp thương bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND Quận A lập ngày 15/11/2005, ông T được hỗ trợ bổ sung thêm số tiền là 43.400.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 88/QĐ-UB ngày 29/6/2005, ngày 22/11/2005 ông T khiếu nại về hạn mức bồi thường, chính sách tái định cư.

Ngày 11/11/2006, UBND Quận A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại của ông T.

Ông T tiếp tục gửi đơn đến UBND thành phố khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A.

Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại (lần 2): Không công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A về việc bác đơn khiếu nại của ông T liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tại Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư phường Pm, Quận A.

Giao Chủ tịch UBND Quận A giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c Phần V của Phương án số 09/PABT-GPMB ngày 18-11-2003 được UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003.

Thực hiện Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố, ngày 26/6/2015, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 1762/QĐ-UB ngày 01/6/2018 về việc hỗ trợ bổ sung, đối với ông Nguyễn Văn T có nhà đất nằm trong dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Pm, Quận A với tổng số tiền 146.821.280 đồng. Đồng thời, giải quyết cho hộ ông T được bố trí tái định cư tại căn hộ C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận, Quận A với số tiền phải nộp mua căn hộ là: $66m^2 \times 2.625.000đ/m^2 \times 3\% = 178.447.500$ đồng (giá bán căn hộ đầu hồi tầng 5 đã có thuế VAT 10% và chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng 5%).

Như đã phân tích ở trên, Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành đúng quy định của pháp luật. Quyết

định số 1762/QĐ-UB ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân Quận A đã thực hiện đúng theo Quyết định số 5430/QĐ-UBND. Do đó, UBND Quận A tiến hành bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất của ông T bị thu hồi theo Phương án số 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003 là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Đối với yêu cầu hủy Công văn 773/UBND-BBTGPMB ngày 03/8/2018 của UBND Quận A

Ngày 03/8/2018 UBND Quận A đã có Văn bản số 773/UBND-BTGPMB trả lời việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu đền bù diện tích đất khoảng gần 500m² do bà Nguyễn Thị Bích Trâm trả lại đất là không có cơ sở xem xét giải quyết, phần đất này là đất rạch do nhà nước quản lý không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Theo bản đồ hiện trạng số bản đồ 86395/VP-12 ngày 20/5/2005 của Trung tâm Đo đạc bản đồ thì vị trí khu đất chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Út và bà Nguyễn Thị Bích Trâm ngày 07/8/1998 thực tế có diện tích 444,5m² thuộc thửa rạch do Nhà nước quản lý. Đồng thời, tại buổi đối thoại ngày 02/8/2016 sau khi UBND Quận A giải thích, gia đình ông T đồng ý phần đất 500m² là đất do Nhà nước quản lý. Ngoài ra, theo biên bản làm việc ngày 28/5/2005 thể hiện rõ: *Hợp đồng mua bán 500m² đất giữa bà Nguyễn Thị Út và bà Nguyễn Thị Bích Trâm ngày 07/8/1998 không được nhà nước đền bù.*

Do đó, việc ông T yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T đối với diện tích 444,6 m² thuộc tờ bản đồ 09 (Tài liệu 02/CT-UB) vị trí không nằm trong thửa 283 là không có cơ sở xem xét. Công văn 773/UBND-BBTGPMB ngày 03/8/2018 của UBND Quận A là đúng quy định pháp luật.

[1.4] Đối với yêu cầu hủy Công văn 729/UBND-BBTGPMB ngày 23/7/2018 của UBND Quận A.

Theo Công văn 5080/VPĐK-KT ngày 05/5//2015 về việc đối chiếu vị trí và cung cấp thông tin theo tài liệu lưu trữ thể hiện: theo sổ mục kê đất (bộ sao chụp) tài liệu Chỉ thị 02/CT-UB thửa 284 diện tích 373m² loại đất LNK và thửa 285 diện tích 2035m² loại đất L chủ sử dụng là bà Nguyễn Thị Bạch.

Tại Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Bạch và bà Nguyễn Thị Bích Trâm thể hiện bà Bạch đã chuyển nhượng các thửa đất số 284 và 285 với diện tích khoảng 2000m² thuộc tờ bản đồ số 9 Thị trấn Nhà Bè có chữ ký của người làm chứng ông Nguyễn Văn T.

Theo hồ sơ bồi thường của dự án Khu tái định cư phường Pm, toàn bộ thửa 284 diện tích 373m² và thửa 285 diện tích 2035m² thuộc Tờ bản đồ số 9 Thị trấn Nhà Bè (tài liệu 02/CT-UB) đã được UBND Quận A cấp GCN.QSĐ số 00139QSĐĐ/139QĐ-H2001 ngày 07/3/2001 cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm và đã được UBND Quận A giải quyết bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo đúng quy định. Ngày 25/01/2005, bà Nguyễn Thị Bích Trâm đã ký hồ sơ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện dự

án. UBND Quận A đã thực hiện bồi thường theo đúng quy định và đúng chủ sử dụng đất có giấy tờ pháp lý hợp pháp.

Bản thân ông Nguyễn Văn T không cung cấp được các giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất nêu trên.

Do đó việc ông T yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T đối với diện tích 209m² thuộc thửa 284-1, 283m² thuộc thửa 285-1 thuộc tờ bản đồ 09 huyện Nhà Bè (tài liệu 02/CT-UB) là không có cơ sở. Công văn 729/UBND-BBTGPMB ngày 23/7/2018 của UBND Quận A ban hành là đúng quy định pháp luật.

[2] Đối với các yêu cầu khác của người khởi kiện:

[2.1] Về yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T 200m² đất ở thuộc thửa 283 tờ bản đồ 09 huyện Nhà Bè (phường Pm, Quận A) và tái định cư 2 nền.

Tại Quyết định 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố có nội dung giao UBND Quận A giải quyết lại việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo điểm b.2.2 phần IV và điểm c phần V của phương án số 09/PABT-GPMB ngày 18/11/2003 được UBND Quận A phê duyệt tại Quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003.

Quyết định số 1762/QĐ-UB ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân Quận A đã giải quyết hỗ trợ bổ sung ông Nguyễn Văn T có nhà đất nằm trong dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Pm, Quận A với tổng số tiền 146.821.280 đồng. Đồng thời, giải quyết cho hộ ông T được bố trí tái định cư tại căn hộ C501 (tầng 5) chung cư Phú Thuận, Quận A.

Do đó, việc ông T yêu cầu UBND Quận A đền bù cho ông T 200m² đất ở thuộc thửa 283 tờ bản đồ 09 huyện Nhà Bè (phường Pm, Quận A) và tái định cư 02 nền là không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về yêu cầu giải quyết phần đất nông nghiệp hoán đổi sang đất ở là 1.000m² đất nông nghiệp sang 100m² đất ở và giải quyết tái định cư 02 nền đất trong dự án sau khi hoán đổi

Theo quy định tại Phương thức II Phần V của Phương án bồi thường được duyệt tại Quyết định 4947/QĐ-UB ngày 14/11/2003 của UBND Thành phố: Diện tích đất thu hồi phải đạt 80% diện tích một nền nhỏ nhất theo quy hoạch trong khu tái định cư mới tính toán đổi sang đất ở.

Hộ ông Nguyễn Văn T sử dụng khu đất có diện tích 657,66m² (bao gồm phần đất diện tích 380,66m² có hiện trạng là đất bờ đê và phần đất diện tích 277m² do bà Nguyễn Thị Bích Trâm trả lại đất) không đủ điều kiện bồi thường và không có diện tích tối thiểu hợp pháp thu hồi để áp dụng chính sách hoán đổi đất nông nghiệp sang đất ở theo quy định của Phương án đền bù đã được phê duyệt.

[2.3] Đối với yêu cầu giải quyết đơn giá đền bù và tiền hỗ trợ di dời theo đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành đến năm 2006, còn Phương án giá số 09/PA-GPMB ngày 18/11/2003, được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại quyết định số 235/QĐ-UB-BTGPMB ngày 11/12/2003. Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận A đã lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ nhà đất của ông Nguyễn Văn T trong dự án Khu tái định cư phường Pm, Quận A áp dụng đơn giá bồi thường, hỗ trợ theo nội dung Quyết định số 05/QĐ-UB ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này của người khởi kiện.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông T kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi bản chất của vụ án, vì vậy không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do là người cao tuổi, vì vậy ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án số 1200/2021/HC-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Căn cứ Điều 27 Luật đất đai 1993;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại tố cáo năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 11/01/2006 của Chủ tịch UBND Quận A, một phần Quyết định số 5430/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 01/6/2018, Công văn 773/UBND-BBTGPMB ngày 03/8/2018 và Công văn 729/UBND-BBTGPMB ngày 23/7/2018 của UBND Quận A.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- NKK ;
- NBK ;
- Lưu: HS, VP, 16bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Công Mười